

CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA ĐỐI VỚI TÙ, HÀNG BINH TRONG CHIẾN TRANH ĐÔNG DƯƠNG LẦN THỨ NHẤT (1945-1954) QUA TÀI LIỆU LƯU TRỮ

Đào Đức Thuận
Nguyễn Thị Ngọc Mai
Trường ĐH Khoa học XH & NV

“Tôi yêu mến thanh niên Pháp cũng như thanh niên Việt Nam...”¹ “chúng tôi biết phân biệt giữa bọn đế quốc, các tội tử của bọn gây chiến với các người, con em nhân dân lao động dũng cảm của nước Pháp và các nước khác...”² – quan điểm trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã là ngọn đuốc sáng của chính sách khoan hồng, nhân đạo với tù, hàng binh Âu - Phi trong suốt 9 năm chiến tranh Đông Dương (1945-1954) (tù binh là những chiến binh bị quân đội đối phương bắt ngay sau một cuộc xung đột vũ trang, hàng binh chiến tranh là quân nhân đầu hàng trong một cuộc chiến giữa các bên). Trong chiến dịch và sau chiến thắng Điện Biên Phủ, cụ thể hóa tư tưởng chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và chính sách của Đảng và Chính Phủ, Quân đội và nhân dân Việt Nam đã nghiêm chỉnh chấp hành, để lại nhiều ấn tượng đẹp, niềm cảm động cho chính tù, hàng binh địch nói riêng và nhân dân thế giới nói chung. Bước vào thời bình, chính sách trên vẫn được nhất quán thực hiện và hoàn thiện cho phù hợp với điều kiện mới. Hiện nay, tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III đang lưu giữ khối tài liệu với khoảng 370 hồ sơ thuộc Phòng lưu trữ Bộ Nội vụ - một nguồn sử liệu quý báu để nghiên cứu về vấn đề này.

Lực lượng quân Pháp trong chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất không chỉ có quân đội người Pháp mà còn bao gồm binh lính của nhiều quốc tịch khác nhau như Đức, Áo,

Hunggari, Hà Lan, Ba Lan, Bỉ, Tây Ban Nha, Maroc, Tuynidi, Angreri, Senegal... Họ gia nhập đội quân của Pháp với nhiều lý do và con đường khác nhau. Có thể họ bị xúi giục, lôi kéo vào cuộc chiến tranh bởi những luận điệu xuyên tạc như: “tiếp tục sự nghiệp khai hóa văn minh, giúp đỡ chính phủ bù nhìn Bảo Đại để bảo vệ sự độc lập của chính phủ này”³ để che đậy âm mưu của cuộc chiến tranh là muốn bảo vệ lợi ích của bọn tư bản; hay do họ bị hấp dẫn, mua chuộc bởi món tiền thưởng lớn nếu đi lính cho Pháp mà với hoàn cảnh nghèo đói, chiến tranh, thất nghiệp bấy giờ họ không thể có được. Các binh lính gốc Phi vì là người dân các nước thuộc địa của Pháp từ đầu thế kỷ XX, một số binh lính Châu Âu là tù nhân của chính quyền Pháp trong cuộc chiến tranh thế giới thứ hai nên họ bị ép buộc bắt sang, hoặc tự nguyện sung vào đội quân viễn chinh của Pháp tham chiến ở Đông Dương như một cách tìm lối thoát. Ngay từ buổi đầu của cuộc kháng chiến, công tác địch vận của ta đã được tiến hành một cách có kế hoạch và thu được những kết quả tốt. Một số lượng đáng kể binh lính Âu Phi này đã hàng ta, một số khác bị bắt trở thành là tù binh và khi chiến tranh kết thúc, trước khi hồi hương, họ đã có một thời gian khá dài làm việc tại các xí nghiệp, công trường, doanh điền quốc gia... tại Việt Nam.

Trong chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất, “hàng binh có người sang ta từ năm

1947" và kết thúc chiến tranh thì ở Việt Nam có khoảng "1184 người" ⁴. Họ ra hàng quân kháng chiến bằng nhiều con đường và vì nhiều lý do khác nhau, nhưng tất cả đều có chung một tâm trạng là chán ghét cuộc chiến tranh xâm lược và không muốn chống lại nhân dân Việt Nam. Ngoài ra, còn một vài lý do khác như: họ nghĩ cuộc sống bên ta thoải mái hơn khi làm lính cho quân đội Pháp nên hàng để hưởng sự thoải mái đó. Hoặc họ nghĩ quân và dân ta ngu dốt, đầu hàng ta để xem cách chỉ huy của các nhà lãnh đạo kháng chiến ta ra sao... Sau khi ra hàng, họ được các đơn vị gửi đến các "Chiêu đãi sở" được chúng ta giáo dục và giúp đỡ. Những "Chiêu đãi sở" này về sau gọi là "*Trại Hàng binh Âu-Phi*" ⁵. Khi ấy, để quản lý số lượng hàng binh không nhỏ này, chúng ta đã tổ chức 5 Trại hàng binh tại Việt Bắc và các Khu. Còn về tù binh, tính tới thời điểm trên, Quân đội Nhân dân Việt Nam đang giam giữ "*6.800 tù binh*" ⁶. Có thể nói, ngay trong chiến tranh chúng ta đã tiếp nhận một số lượng tù, hàng binh khá lớn và đặc biệt sau chiến thắng Điện Biên Phủ, số lượng ấy càng lớn hơn. Sự khác nhau căn bản giữa hàng và tù binh là ở cách thức họ rời khỏi hàng ngũ quân đội Pháp ở Đông Dương tự nguyện hay không và sự khác biệt ấy cũng ít nhiều chi phối tới việc chúng ta thực hiện những chính sách cụ thể nào đối với từng đối tượng.

Tiếp nối những kết quả thu được trong công tác tù, hàng binh Âu-Phi từ trong chiến tranh, Đảng và nhà nước ta vẫn nhất quán một chính sách nhân đạo trên cả khi đất nước hòa bình. Việc quản lý số tù, hàng binh này về quan điểm chính trị, sức khỏe, gia đình, công ăn việc làm, lương bổng, phụ cấp và thân nhân của họ là một vấn đề hết sức phức tạp đối với một chính quyền non trẻ và đang phải trực tiếp giải quyết những vấn đề riêng của đất nước trong và sau cuộc chiến. Vấn đề lớn nhất đặt ra cho Đảng và Nhà nước ta lúc bấy giờ là phải có sách lược đối xử đúng đắn, có tình, có lý với những đối tượng này. Lúc đầu, do đất nước mới thoát khỏi chiến tranh, hoàn cảnh còn hết sức thiếu thốn nên việc chu cấp những nhu cầu vật chất (ăn, mặc, ở, chăm sóc sức khỏe) cho tù, hàng binh này còn

tương đối thiếu. Mặt khác, thành phần, tư tưởng chính trị, nguyện vọng của họ rất phức tạp. Hầu hết họ đều muốn ra khỏi Trại tập trung, được tự do và làm ăn tự do, một số hàng binh Đông Âu thì muốn về nước ngay, một số bỏ trốn, hoặc có tư tưởng muốn xin về nước qua đường của Pháp. Trước những khó khăn ấy, chúng ta đã cố gắng hết sức để bảo đảm, cải thiện điều kiện sống, sinh hoạt cho họ và đưa ra các cách giải quyết cụ thể đối với từng loại tù, hàng binh: hàng binh Phi, hàng binh các nước dân chủ Đông Âu, hàng binh các nước Tây Âu, đối với số hàng binh có tình về với địch.

Trước hết về quản trị tù binh, từ đầu năm 1951, được Hội đồng Chính phủ giao phụ trách và nguyên tắc là vẫn thi hành chính sách khoan hồng, ngày 16/4/1951, Bộ Nội vụ đã gửi Công văn số 10/NV/PTB/TT về việc quản trị tù binh tới các Liên khu đề ra chính sách đại cương với tù binh. Theo đó, Bộ nhấn mạnh các điểm sau: "*a) Phải tuyên truyền giáo dục chính trị. b) cấp dưỡng ăn mỗi ngày được 1kg gạo kể cả tiền thức ăn, nếu người nào làm việc nhiều, khỏe thì được thưởng thêm - Quần áo, chăn màn, tùy theo khả năng của địa phương, dùng để họ rách rưới, ốm đau quá - Nhà ở: có nhà sạch sẽ, nằm trên sàn - Thuốc: được chữa bệnh khi ốm đau... c) Canh gác: cẩn mật, không tập trung nhiều tù binh một nơi... d) Phải dùng hết nhân lực của tù binh trong việc tăng gia, sửa chữa cầu đường, khai mỏ, ... e) Tổ chức việc phản gián để kiểm soát ngăn ngừa mưu mô hành động phá hoại ta... phải lấy căn cước và hồ sơ lý lịch từng người*" ⁷.

Về hàng binh Âu-Phi, sau đình chiến, trước khi được trao trả và hồi hương, phần lớn họ đều tình nguyện ở lại Việt Nam làm ăn và trở thành công nhân tại các xí nghiệp, công trường, doanh điền quốc gia... Để quản lý nhóm công nhân Âu Phi này một cách chặt chẽ và thống nhất, ngày 30/4/1955, Phủ Thủ tướng đã ban hành Nghị định 519/TTg về công tác hàng binh, theo đó Bộ Nội vụ sẽ phụ trách vấn đề hàng binh Âu Phi làm việc ở các xí nghiệp, công trường. Nghị định trên cũng trở thành văn bản có hiệu lực cao nhất về vấn đề trên. Tại văn bản này, Phủ Thủ tướng đã quy định rõ những chế độ, trách nhiệm của

các cơ quan trong việc đối xử với hàng binh chiến tranh: những người Âu Phi "... đều được chấp nhận. Họ phải làm giấy xin ở lại, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẽ tùy từng điều kiện mà giúp đỡ họ trong việc làm ăn", về quyền lợi và nghĩa vụ chính trị "được Nhà nước bảo hộ, được hưởng quyền tự do dân chủ trong phạm vi pháp luật nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, được tham gia vào các tổ chức nghề nghiệp và các tổ chức đấu tranh bảo vệ hòa bình; có thể lấy người Việt Nam làm vợ"; "tôn trọng pháp luật, chủ trương, chính sách của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nếu vi phạm sẽ xử lý theo luật của nhà nước"; về công việc và chế độ lương: "tùy từng điều kiện cụ thể đều được sắp xếp về các địa phương sinh sống với nhân dân, làm ruộng đất, làm nghề khác hoặc được đi làm ở các công trường, xí nghiệp, doanh điền quốc gia. Do Bộ Nội vụ phân phối, có trách nhiệm hướng dẫn chính quyền địa phương các cấp thu nhận, giúp đỡ phụ cấp, hưởng lương thích hợp"; đối với những người có công với kháng chiến thì được cấp giấy khen, phong cấp "giấy ghi công", được hưởng quyền lợi tinh thần như một cựu binh của Quân đội nhân dân Việt Nam, hưởng huân chương, hưởng phụ cấp thương tật như một thương binh Việt Nam, hưởng khoản trợ cấp về giải ngũ như quân nhân Việt Nam..."⁸

Cũng trong năm đó, nhận thấy hàng binh phần lớn đã trở thành công nhân làm việc tại các xí nghiệp, công trường nên ngày 10/8/1955, Bộ Nội vụ ban hành mẫu báo cáo tháng về công nhân Âu Phi thuộc các xí nghiệp, công trường để các cơ quan, đoàn thể báo cáo kịp thời về tình hình hàng binh, quản lý tốt hơn đối với hàng binh Âu Phi hiện đang làm việc tại các nơi này về các mặt: số lượng, tình hình công việc, tình hình sinh hoạt vật chất và tinh thần (sức khỏe, ăn uống, ăn mặc, học tập chính trị, sinh hoạt tập thể, thưởng phạt), tình hình tư tưởng, sự lãnh đạo của xí nghiệp, công trường để gửi lên theo ngành dọc (Bộ Công thương, Tổng cục Đường sắt), Bộ Nội vụ, Cục Dịch vụ, Tổng cục Chính trị. Hoạt động trên chứng minh Bộ Nội vụ đã dành sự quan tâm đúng mực đối với công tác tù, hàng binh Âu Phi.

Đến năm 1956, các tài liệu hiện có cho thấy: "Đa số hàng binh Âu Phi không an tâm, thiếu tin tưởng, không tiến bộ, không yêu lao động, còn phạm kỷ luật. Hiện nay có một số về với phía Liên hiệp Pháp và phía Liên hiệp Pháp cũng đang tìm cách dụ dỗ gọi về và lợi dụng hàng binh Âu Phi để phá ta..." nên công tác quản lý tù, hàng binh cũng cần được nâng cao hơn. Các hội nghị toàn quốc về vấn đề này trong những năm sau đó, một mặt đã tái khẳng định chủ trương giữ vững và thi hành chính sách đối xử nhân đạo đối với tù, hàng binh. Mặt khác, đề ra các giải pháp hiệu quả nhằm tăng cường công tác quản lý, giáo dục tù, hàng binh. Ví dụ Hội nghị liên bộ ngày 23/8/1955 do Bộ Nội vụ triệu tập nhằm đề ra những nhiệm vụ cấp bách và các nhiệm vụ lần lượt phải thực hiện để cụ thể hóa chính sách của Đảng, Nhà nước đối với tù, hàng binh Âu Phi. Nhờ đó, lương bổng, phụ cấp cho hàng binh được tăng lên và được hưởng chế độ tương tự như công nhân Việt Nam trong những trường hợp đặc biệt như ốm đau, có vợ mang thai; nhấn mạnh chú ý sử dụng họ theo khả năng và sức khỏe của họ, chú ý việc xây dựng gia đình, quan tâm giáo dục tư tưởng chính trị và đả phá những định kiến xấu về hàng binh...

Nhờ những chỉ đạo, quan tâm trên mà công tác hàng binh trong những năm sau này được quản lý rất chặt chẽ và sát sao từ trung ương đến địa phương. Đồng thời lúc này hoàn cảnh đất nước cũng khá lên, do đó việc ta đã đủ sức đảm bảo và cải thiện dần đời sống vật chất – tinh thần của tù, hàng binh Âu Phi. Chế độ ăn uống của họ cũng giống như chế độ của chiến sỹ Việt Nam, những nhu cầu vật chất (mặc, ở), việc chăm sóc sức khỏe, chữa bệnh cũng có điều kiện hơn. Việc tổ chức đời sống tinh thần, bằng những buổi nói chuyện, những buổi học tập chính trị, hoạt động thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí có nề nếp và được các cơ quan lo lắng nhiều hơn. Nhờ đó họ thấy được sự cố gắng của Chính phủ và nhân dân ta, khiến họ thông cảm với những khó khăn vất vả (nhất là về kinh tế) của Việt Nam; ý thức lao động được nâng cao; biết được tình hình quốc tế, nhận biết được nguồn gốc, những nguyên nhân của "cuộc

chiến tranh bản thủ" này, chọn con đường ở lại với ta, phân biệt công đoàn dưới chế độ tư bản và dân chủ, biết được ý nghĩa của công việc họ đối với phục hồi và phát triển kinh tế Việt Nam. Quan trọng hơn là họ đã nhận ra những lỗi lầm đã qua và trở thành những người mới có thể tự do lựa chọn mục đích cho cuộc sống tương lai của mình, trong khi vẫn được tôn trọng những tự do chính trị và tôn giáo. Phải nói rằng chính quyền các cấp và các cơ quan đã làm hết sức mình để cải thiện, xây dựng cho họ một môi trường thoải mái nhất có thể.

Các đợt trao trả được lần lượt tổ chức một cách nghiêm túc đúng theo điều khoản của Hiệp định đình chiến ở Việt Nam và các nguyên tắc, thể thức, lịch trình đã được thỏa thuận. Hàng loạt các chuyến trao trả và đưa tù, hàng binh hồi hương về nước đã được liên tiếp tiến hành hàng năm từ 1954 đến 1969 và có khi tổ chức vài lần trong một tháng. Trong các đợt trao trả và đưa tù, hàng binh hồi hương, công tác lập kế hoạch, bản dự trù về ăn uống, sức khỏe, phương tiện, nhà ở,... đều được các cơ quan đang chịu trách nhiệm quản lý những tù, hàng binh này chuẩn bị rất chu đáo, thậm chí họ còn giải quyết cả những vấn đề về tiền tiêu vật, tiền liên hoan, tiền trợ cấp thôi việc, thanh toán đổi tiền,... Việc làm này được tù, hàng binh hết sức hoan nghênh. Gần 200 hồ sơ về danh sách hàng binh trao trả, hồi hương theo các đợt khác nhau tới năm 1969, các tài liệu hình thành trong quá trình trao trả, tổ chức hồi hương cho tù, hàng binh thuộc Phòng lưu trữ Bộ Nội vụ là minh chứng trung thực cho việc chúng ta luôn thực hiện nhất quán, đúng với những chủ trương chính sách do Đảng và nhà nước đề ra, theo những hiệp ước quốc tế đã ký kết.

Bên cạnh việc đối xử khoan hồng với tù, hàng binh, việc giúp đỡ những thân nhân của họ cũng rất đáng chú ý trong hệ thống các chính sách của Đảng và nhà nước ta. Tiêu biểu là việc giúp đỡ, trợ cấp cho vợ con của tù, hàng binh Âu Phi có chồng đã hồi hương về nước như giúp đỡ công ăn việc làm, giúp đỡ những người quá túng thiếu, trợ cấp có tính cứu tế, duy trì phụ cấp cũ khi chồng họ

chưa về nước, hay thu nhận họ vào bệnh viện điều trị...

Tóm lại, từ sau đình chiến, đối với tù, hàng binh Âu Phi, chính sách bất di bất dịch được Đảng và Nhà nước đề ra và được quân, dân Việt Nam thực hiện là khoan dung nhân đạo, làm hết sức mình để đảm bảo tính mạng, nhân phẩm, tài sản và các điều kiện sinh hoạt, học tập, lao động, rèn luyện cho tù, hàng binh. Đặt trong bối cảnh lịch sử cụ thể, khi đất nước Việt Nam còn nghèo khổ, bị chiến tranh tàn phá nặng nề, khi đối phương đã gieo rắc biết bao tội ác cho người dân vô tội ở cả hai miền Nam - Bắc, càng thấy rõ tình nhân ái, sự bao dung, độ lượng của Nhà nước và nhân dân Việt Nam đối với tù, hàng binh từng chiến đấu ở bên kia chiến tuyến. Chính sách đó xuất phát từ nền tảng là đạo lý truyền thống của dân tộc Việt Nam, là tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh, là quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam phân biệt rạch ròi giữa thế lực chủ mưu và người bị lường gạt, xô đẩy vào cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Từ tinh thần "hòa giải, khép lại quá khứ", cái nhìn sáng trên là nền tảng cho quan hệ ngoại giao, là cơ sở để xây đắp tình hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới. Khối tài liệu thuộc Phòng Lưu trữ Bộ Nội vụ kể trên nếu được quản lý và khai thác có hiệu quả sẽ giúp cho các nhà nghiên cứu có thêm nguồn sử liệu quý giá, từ đó thêm nhiều sự kiện lịch sử trong chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất (1945 - 1954) sẽ được ngày càng làm sáng rõ thêm./.

Tài liệu tham khảo

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 200, t.4, tr.457.
2. Nhiều tác giả: Điện Biên Phủ từ góc nhìn của các nhà khoa học Việt - Pháp, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.255.
3. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I: Chiến tranh Đông Dương qua tiếng nói của binh lính Pháp, Nxb Quân đội nhân dân, 2004, tr.104
4. Hồ sơ 3723, Phòng lưu trữ Bộ Nội vụ, tờ 5-6.
5. Lê Văn: Những ngày sống bên hàng binh châu Âu, tạp chí "Xưa và Nay", số 207, tháng 3-2004, tr17.
6. Hồ sơ 3699, Phòng Bộ Nội vụ, tờ số 2
7. Hồ sơ 3633, Phòng Bộ Nội vụ, tờ số 13
8. Hồ sơ 3805, Phòng lưu trữ Bộ Nội vụ, tờ số 1,2,8.